**Trường THPT MARIE CURIE**

**Tổ Sinh học BẢNG MA TRẬN KIỂM TRA HỌC KÌ I**

 **MÔN SINH HỌC 10 - NĂM HỌC 2022 – 2023**

 **HÌNH THỨC KIỂM TRA: 100% TRẮC NGHIỆM (40 CÂU)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung****kiến thức** | **Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra** | **Điểm** |
| **Các cấp độ tổ chức của thế giới sống** | **Nhận biết:**- Nêu được khái niệm cấp độ tổ chức của thế giới sống.- Nhận biết được các đặc điểm của tổ chức sống.- Kể tên các cấp tổ chức cơ bản của thế giới sống.- Nhận biết các cấp cơ bản của thế giới sống- Nhận biết được các loài sinh vật có chung tổ tiên.- Nhận biết được thế giới sống liên tục tiến hóa. **Thông hiểu:**- Hiểu được tổ chức sống là một hệ mở và tự điều chỉnh.- Trình bày được nguyên tắc thứ bậc của thế giới sống.- Trình bày được sự khác nhau giữa sinh vật và vật vô sinh.- Hiểu được quần thể sinh vật, quần xã sinh vật.- Hiểu được sự đa dạng của thế giới sống.**Vận dụng:**- Giải thích một số hiện tượng thực tế đơn giản liên quan nguyên tắc thức bậc, hệ thống mở và tự điều chỉnh. | **1.0 đ****0.75 đ****0.25 đ** |
| **Thành phần hóa học của tế bào** | **Nhận biết:**- Nêu được số lượng nguyên tố tham gia vào cấu tạo sự sống.- Tỉ lệ C, H, O, N trong tế bào.- Nêu được C là nguyên tố quan trọng.- Liệt kê được một số nguyên tố hoá học chính có trong tế bào (C, H, O, N, S, P).- Kể tên được các nguyên tố vi lượng, đa lượng trong tế bào.- Nêu được đặc điểm cấu tạo của phân tử nước.- Nêu được tên liên kết trong phân tử nước.- Nêu được tính chất của phân tử nước.**Thông hiểu:**- Trình bày được vai trò của các nguyên tố vi lượng, đa lượng trong tế bào.- Trình bày được vai trò sinh học của nước trong tế bào.- Trình bày cách bảo quản thực phầm và vai trò lực liên kết của các phân tử nước.**Vận dụng cao:**- Vận dụng kiến thức giải thích một số hiện tượng thực tế liên quan các nguyên tố hóa học và nước. | **1.0đ****0.75 đ****0.25 đ** |
| **Cấu trúc tế bào** | **Nhận biết**- Kể tên được các thành phần cấu tạo trong lưới nội chất; ti thể; lục lạp; màng sinh chất.- Xác định được vị trí, hình dạng, mô tả được cấu tạo và chức năng của của các thành phần trong tế bào: lưới nội chất; ti thể; lục lạp; màng sinh chất.**Thông hiểu** - Trình bày được điểm giống nhau về cấu tạo của lục lạp và ti thể.- Trình bày được điểm khác nhau về cấu tạo của lưới nội chất trơn và lưới nội chất hạt.- Phân biệt được sự đúng, sai về cấu tạo và chức năng của ti thể, lục lạp, màng sinh chất và lưới nội chất.**Vận dụng**- Vận dụng kiến thức giải thích các vấn đề đơn giản liên quan bào quan ti thể, màng sinh chất. **Vận dụng cao**- Vận dụng kiến thức giải thích các vấn đề thục tiễn liên quan ti thể và lục lạp. | **1.0 đ****0.5 đ****0.25 đ****0.25 đ** |
| **Trao đổi và chuyển hóa năng lượng ở tế bào** | **Nhận biết**- Nhận biết được khái niệm đồng hóa và dị hóa.- Nêu được khái niệm và cơ chế của các con đường vận chuyển các chất qua màng.- Nêu được các chất có thể qua màng bằng các phương thức khác nhau. - Nêu được khái niệm nhập bào, xuất bào.- Nêu được tên các phương thức nhập bào.- Nêu được khái niệm chuyển hóa năng lượng trong tế bào.- Liệt kê được dạng năng lượng phổ biến trong tế bào.- Nêu được các thành phần cấu tạo ATP.- Nêu được chức năng của ATP.- Nêu được khái niệm enzim.- Nêu được chức năng của enzim.**Thông hiểu**- Phân biệt được cơ chế các hình thức vận chuyển các chất qua màng sinh chất: vận chuyển thụ động, chủ động. - Trình bày được đặc điểm chung của hiện tượng nhập bào và xuất bào.- Phân loại được các chất khuếch tán trực tiếp qua màng.- Hiểu được nguyên nhân và cơ chế vận chuyển chủ động và nhập xuất bào cần năng lượng.- Giải thích được tại sao ATP là đồng tiền năng lượng của tế bào.- Trình bày được ức chế ngược qua sơ đồ minh họa.- Trình bày được liên kết cao năng trong phân tử ATP.**Vận dụng**- Vận dụng những hiểu biết về cách vận chuyển các chất qua màng sinh chất để giải thích một số hiện tượng thực tiễn.- Giải thích được hiện tượng thực tế đơn giản liên quan kiến thức enzyme**Vận dụng cao**- Dự đoán và giải thích thí nghiệm các hiện tượng thực tế cuộc sống.* Vận dụng kiến thức về emzyme giải thích các hiện tượng thực tế cuộc sống.
 | **2.0 đ****1.0 đ****0.5 đ****0.5 đ** |
| **TỔNG** |  | **10 điểm** |